Mô hình USECASE

Mục lục

[1. Tổng quan 2](#_Toc329810886)

[2. Mô hình Use Case 2](#_Toc329810887)

[2.1. Danh sách Use Case 2](#_Toc329810888)

[2.2. Actor 4](#_Toc329810889)

[2.2.1. Khách 4](#_Toc329810890)

[2.2.2. Thành viên 4](#_Toc329810891)

[2.2.3. Người bán 4](#_Toc329810892)

[2.2.4. Người mua 4](#_Toc329810893)

[2.2.5. Quản trị 4](#_Toc329810894)

[3. Đặc tả Usecase 4](#_Toc329810895)

[3.1. Phía Client 6](#_Toc329810896)

[3.1.1. Đăng ký 6](#_Toc329810897)

[3.1.2. Đăng nhập 7](#_Toc329810898)

[3.1.3. Đăng sản phẩm 8](#_Toc329810899)

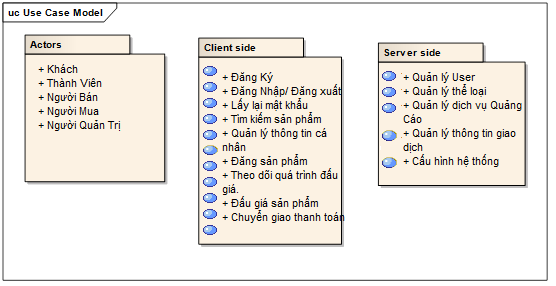
[3.1.4. Đấu giá sản phẩm 10](#_Toc329810900)

[3.1.5. Quản lý thể loại 11](#_Toc329810901)

[3.1.6. Cấu hình hệ thống 12](#_Toc329810902)

# Tổng quan

# Mô hình Use Case



Hình 1: Mô hình Usecase

## Danh sách Use Case

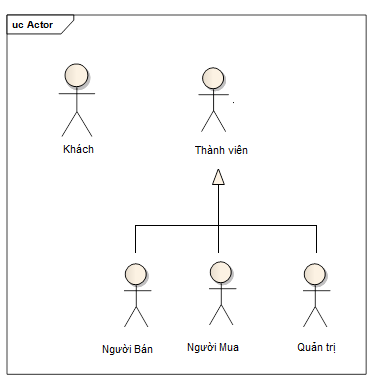
Phía Client

| Tên Usecase | Mã UseCase |
| --- | --- |
|  |  |
| Đăng ký | UC\_C01 |
| Tìm kiếm sản phẩm | UC\_C02 |
| Xem sản phẩm | UC\_C03 |
| Đăng nhập/Đăng xuất | UC\_C04 |
| Khôi phục tài khoản (lấy lại mật khẩu) | UC\_C05 |
| Bình luận sản phẩm | UC\_C06 |
| Quản lý thông tin cá nhân | UC\_C07 |
| Đăng sản phẩm | UC\_C08 |
| Theo dõi quá trình đấu giá | UC\_C09 |
| Đấu giá sản phẩm | UC\_C10 |
| Chuyển giao thanh toán | UC\_C11 |
|  |  |
|  |  |

Phía Server

| Tên Usecase | Mã Usecase |
| --- | --- |
|  |  |
| Quản lý Người dùng | UC\_S01 |
| Quản lý Thể loại | UC\_S02 |
| Quản lý dịch vụ quảng cáo | UC\_S03 |
| Quản lý thông tin giao dịch | UC\_S04 |
| Cấu hình hệ thống | UC\_S05 |

## Actor



Hình 2: Danh sách Actor

### Khách

Người dùng đến xem website và sản phẩm đang trưng bày, đấu giá.

### Thành viên

Thành viên của hệ thống: có tài khoản và có quyền tương ứng.

### Người bán

Người trưng bày sản phẩm và cho phép Người mua đấu giá sản phẩm đó.

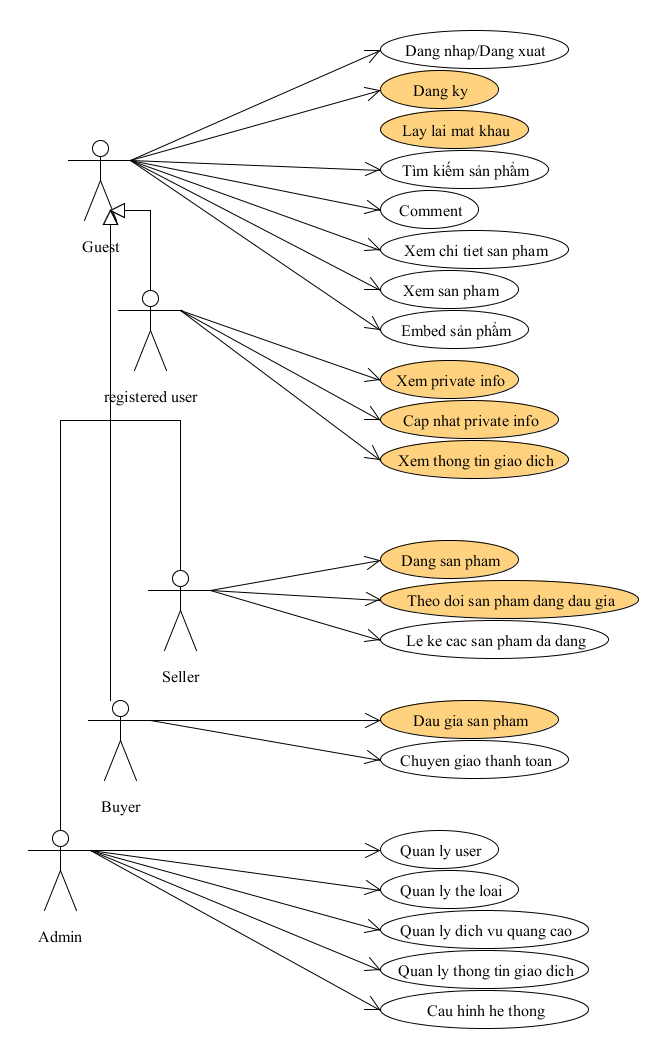
### Người mua

Người tham gia đấu giá

### Người Quản trị

Người quản trị toàn hệ thống.

# Đặc tả Usecase



Hình 3: Lược đồ Usecase

## Phía Client

### Đăng ký

#### Tóm tắt

Use case cho phép Khách đăng ký trở thành khách hàng thành viên, có thể tham gia đấu giá sản phẩm hay đăng sản phẩm để đấu giá.

#### Actor: Khách

#### Điều kiện tiên quyết: không có

#### Dòng sự kiện chính

Use case bắt đầu khi một Khách muốn đăng ký làm thành viên của hệ thống.

|  |  |
| --- | --- |
| **Actor: Khách** | **Hệ thống** |
| 1. Khách chọn chức năng đăng ký thành viên |  |
|  | 1. Hệ thống hiển thị mẫu Đăng ký cho Khách nhập dữ liệu vào. Gồm có: họ, tên, tên đăng nhập, email, nhập lại email, số điện thoại, ngày sinh, giới tính, chỗ ở hiện nay, captcha. |
| 1. Khách điền đầy đủ thông tin vào mẫu đăng ký, đồng ý với các điều khoản hệ thống đưa ra và đăng ký |  |
|  | 1. Hệ thống kiểm tra tên đăng nhập, email, số điện thoại đã tồn tại chưa.   Kiểm tra tính hợp lệ của các thông tin: họ, tên, email, số điện thoại, ngày sinh, giới tính, chỗ ở hiện nay, captcha. |
|  | 1. Hệ thống hiển thị thông báo kết quả đăng ký thành công và lưu tạm thời thông tin Khách. 2. Hệ thống gửi vào mail của Khách tên đăng nhập, mật khẩu (tạo ngẫu nhiên).   Hệ thống yêu cầu Khách xác nhận thông tin đăng ký và khuyến cáo Khách đổi mật khẩu trong lần sử dụng đầu tiên. |
| 1. Khách xác nhận |  |
|  | 1. Hệ thống lưu thông tin Khách. 2. Use case kết thúc. |

#### Dòng sự kiện phụ

|  |  |
| --- | --- |
| **Sự kiện xảy ra** | **Hệ thống giải quyết** |
| Tên đăng nhập đã tồn tại | Hệ thống hiển thị thông báo yêu cầu Khách chọn Tên đăng nhập khác. |
| Email hoặc số điện thoại đã tồn tại | Hệ thống hiển thị thống báo yêu cầu Khách kiểm tra lại email hoặc số điện thoại đã điền đúng chưa. Nếu Khách đã đăng ký vui lòng chọn chức năng lấy lại mật khẩu. |
| Khách nhập thiếu thông tin | Hệ thống hiển thị thông báo yêu cầu nhập đủ thông tin. |
| Thông tin về họ, tên, email, số điện thoại ngày sinh, giới tính, chỗ ở hiện nay, captcha không hợp lệ | Hệ thống hiển thị thông báo yêu cầu Khách khai báo chính xác (kèm theo hướng dẫn, ghi chú. VD: số điện thoại từ 10-11 số). |
| Sau 7 ngày mà Khách không xác nhận mật khẩu. | Hệ thống xóa thông tin tạm thời Khách đã đăng ký. |

#### Điều kiện sau

Kết thúc usecase: Khách đăng ký thành công và trở thành Thành Viên của hệ thống. Hệ thống cập nhật dưới CSDL.

#### Điểm mở rộng: không có.

### Đăng nhập

#### Tóm tắt

Use case cho phép Thành Viên đăng nhập vào hệ thống

#### Actor: Thành Viên

#### Điều kiện tiên quyết: đã là thành viên của hệ thống – có tài khoản trong hệ thống.

#### Dòng sự kiện chính

Use case bắt đầu khi một Thành Viên muốn đăng nhập vào hệ thống

|  |  |
| --- | --- |
| **Actor: Thành Viên** | **Hệ thống** |
| 1. Thành Viên chọn vào chức năng Đăng nhập |  |
|  | 1. Hệ thống yêu cầu Thành Viên nhập Tên đăng nhập, Mật khẩu. |
| 1. Thành Viên nhập Tên đăng nhập, Mật khẩu. |  |
|  | 1. Hệ thống kiểm tra Tên đăng nhập, Mật khẩu được nhập và cho phép Thành Viên đăng nhập vào hệ thống. 2. Use case kết thúc. |

#### Dòng sự kiện phụ

|  |  |
| --- | --- |
| **Sự kiện xảy ra** | **Hệ thống giải quyết** |
| Thành Viên nhập sai Tên đăng nhập, Mật khẩu. | Hệ thống đưa ra yêu cầu để Thành Viên chọn lựa:   1. Nhập lại 2. Hệ thống gửi lại mật khẩu nếu Thành Viên quên mật khẩu. 3. Hủy bỏ đăng nhập   Nếu Thành Viên chọn:   1. ***Nhập lại***: hệ thống trở về đầu dòng sự kiện chính. 2. ***Lấy lại mật khẩu***: Hệ thống thực hiện usecase Lấy lại mật khẩu. 3. ***Hủy bỏ đăng nhập***: use case kết thúc với trạng thái hệ thống không thay đổi. |

#### Điều kiện sau

Kết thúc usecase: Nếu Thành Viên đăng nhập thành công, hệ thống cung cấp quyền tương ứng cho actor. Nếu không trạng thái hệ thống không thay đổi..

#### Điểm mở rộng: không có.

### Đăng sản phẩm

#### Tóm tắt

Usecase cho phép Người Bán đưa sản phẩm của họ lên sàn đấu giá.

#### Actor: Người Bán

#### Điều kiện tiên quyết: phải đăng nhập vào hệ thống

#### Dòng sự kiện chính

Usecase bắt đầu khi một Người Bán muốn đăng sản phẩm mình để cho các thành viên khác đấu giá.

|  |  |
| --- | --- |
| **Actor: Người Bán** | **Hệ thống** |
| 1. Người Bán chọn chức năng Đăng sản phẩm |  |
|  | 1. Hệ thống hiển thị mẫu Đăng sản phẩm cho Người Bán điền thông tin: thể loại sản phẩm, tên sản phẩm, hình ảnh của sản phẩm, tình trạng sản phẩm, giá khởi điểm, giá bán ngay, bước giá, thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc. |
| 1. Người Bán điền đầy đủ thông tin và chọn chức năng lưu lại. |  |
|  | 1. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của các thông tin Người Bán đã điền vào. (VD: thời gian bắt đầu đấu giá phải sau thời gian hiện tại). |
|  | 1. Hệ thống cho phép Người Bán mô tả chi tiết sản phẩm, phương thức thanh toán, phương thức vận chuyển, thông tin liên hệ. |
| 1. Người Bán mô tả chi tiết sản phẩm, phương thức thanh toán, phương thức vận chuyển, chi tiết liên lạc và chọn chức năng lưu lại. |  |
|  | 1. Hệ thống lưu sản phẩm vào kho hàng của Người Bán 2. Tạo hóa đơn giao dịch gửi cho Người Bán. |
| 1. Người Bán thanh toán hóa đơn. |  |
|  | 1. Hệ thống kiểm tra, xử lý hóa đơn: đăng sản phẩm đúng thời gian mà người bán yêu cầu. 2. Usecase kết thúc. |

#### Dòng sự kiện phụ

|  |  |
| --- | --- |
| **Sự kiện xảy ra** | **Hệ thống giải quyết** |
| Người Bán đăng ký các dịch vụ quảng cáo. | Hệ thống lưu thông tin. Và trở lại bước 8 của dòng sự kiện chính. |

#### Điều kiện sau

Kết thúc usecase: Người Bán đăng sản phẩm thành công. Hệ thống đăng sản phẩm và cho các thành viên khác tham gia đấu giá vào đúng thời gian người bán yêu cầu.

#### Điểm mở rộng: không có.

### Đấu giá sản phẩm

#### Tóm tắt

Usecase cho phép Người Mua tham gia đấu giá.

#### Actor: Người Mua

#### Điều kiện tiên quyết: phải đăng nhập vào hệ thống

#### Dòng sự kiện chính

Usecase bắt đầu khi một Người Mua muốn tham gia đấu giá một sản phẩm.

|  |  |
| --- | --- |
| **Actor: Người Mua** | **Hệ thống** |
|  | 1. Hệ thống hiển thị danh sách sản phẩm đang đấu giá. |
| 1. Xem danh sách sản phẩm đang đấu giá.   Chọn sản phẩm. |  |
|  | 1. Hệ thống hiển thị chi tiết sản phẩm. |
| 1. Xem chi tiết sản phẩm.   Xem chi tiết đấu giá: giá khởi điểm, giá mua ngay, thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc, bước giá, giá hiện tại và ai đang là người tạm thời giữa giá hiện tại đó.   1. Chọn chức năng đấu giá, đặt bid. |  |
|  | 1. Hệ thống cập nhật bid mới. 2. Usecase kết thúc. |

#### Dòng sự kiện phụ

|  |  |
| --- | --- |
| **Sự kiện xảy ra** | **Hệ thống giải quyết** |
| Người Mua chọn sản phẩm khác | Hệ thống hiển thị chi tiết sản phẩm Người Mua chọn. |
| Bid mà Người Mua đưa ra thấp hơn giá hiện tại. | Hệ thống thông báo cho Người Mua việc đặt bid của Người Mua không thành công. |

#### Điều kiện sau

Kết thúc usecase: Người Mua đặt giá thành công và theo dõi kết quả cho tới khi thời gian đấu giá kết thúc. Hệ thống cập nhật bid mới.

#### Điểm mở rộng: không có.

### Quản lý thể loại

#### Tóm tắt

Usecase dùng để người quản trị thêm xóa sửa các thể loại sản phẩm vào hệ thống. Một thể loại mang thông tin tên và mô tả của thể loại đó.

#### Actor: Người Quản Trị

#### Điều kiện tiên quyết: phải đăng nhập vào hệ thống

#### Dòng sự kiện chính

Usecase bắt đầu khi Người Quản Trị chọn mục quản lý thể loại

|  |  |
| --- | --- |
| **Actor: Người Quản Trị** | **Hệ thống** |
|  | 1. Hệ thống hiển thị ra một danh sách các thể loại đã có trước đây, và chức năng thêm xóa sửa một thể loại |
| 1. Người Quản Trị chọn thêm mới một thể loại |  |
|  | 1. Hệ thống hiển thị mẫu nhập tên thể loại và mô tả. |
| 1. Người Quản Trị chọn đồng ý thêm mới |  |
|  | 1. Hệ thống tiếp nhận thông tin từ mẫu lưu xuống cơ sở dữ liệu |
| 1. Người Quản Trị chọn chức năng xóa một thể loại |  |
|  | 1. Hệ thống yêu cầu xác nhận |
| 1. Người Quản Trị đồng ý |  |
|  | 1. Hệ thống xóa thể loại |
| 1. Người Quản Trị chọn chỉnh sửa thể loại |  |
|  | 1. Hệ thống hiển thị mẫu chỉnh sửa với các thông tin của thể loại đã chọn gồm tên và mô tả. |
| 1. Người Quản Trị chọn “cập nhật” |  |
|  | 1. Hệ thống thực hiện cập nhật CSDL. |

#### Dòng sự kiện phụ

|  |  |
| --- | --- |
| **Sự kiện xảy ra** | **Hệ thống giải quyết** |

#### Điều kiện sau

Kết thúc usecase: Người Quản Trị thêm xóa sửa được một thể loại vào trong hệ thống.

#### Điểm mở rộng: không có.

### Cấu hình hệ thống

#### Tóm tắt

Usecase cho phép Người Quản Trị chỉnh sửa thông tin của menu, email hệ thống (dùng trong việc gửi mail đến Khách hoặc các hoạt động thông báo), email ngân lượng (tiếp nhận các thông báo chuyển tiền từ ngân lượng) .

Cấu hình menu mô tả giao diện:

* Trên giao diện có một list các menu cha, chọn một menu cha sẽ hiện ra child menu. Trên giao diện có các chức năng thêm, xóa, sửa, sắp xếp cho menu cha và menu con.
* Việc thêm xóa sửa sẽ là thêm mới một menu, xóa một menu, chỉnh sửa nội dung menu
* Sắp xếp: khi chọn một menu cha hoặc menu con, cho phép thay đổi thứ tự của nó so với các menu cùng cấp.

#### Actor: Người Quản Trị

#### Điều kiện tiên quyết: phải đăng nhập vào hệ thống

#### Dòng sự kiện chính

Usecase bắt đầu khi Người Quản Trị chọn vào mục quản lý cấu hình hệ thống. Từ đây sẽ có sub-flow cho “cấu hình menu”, “cấu hình email ngân lượng và email hệ thống”

#### Cấu hình menu

Menu là menu 2 cấp.

|  |  |
| --- | --- |
| **Actor: Người Quản Trị** | **Hệ thống** |
| 1. Người Quản Trị chọn cấu hình menu. |  |
|  | 1. Hệ thống hiển thị giao diện gồm danh sách các menu cha. |
| 1. Khi chọn một menu cha. |  |
|  | 1. Hệ thống hiển thị ra danh sách các menu con. |
| 1. Trên giao diện. Người Quản Trị chọn thêm menu. |  |
|  | 1. Hệ thống yêu cầu chọn thêm cho menu cha hay menu con. |
| 1. Nếu Người Quản Trị chọn menu cha |  |
|  | 1. Hệ thống hiện mẫu nhập tên của menu cha. |
| 1. Nếu Người Quản Trị chọn menu con |  |
|  | 1. Hệ thống sẽ hỏi menu cha là cái nào. |
| 1. (Tiếp tục B.9) Chọn menu cha. |  |
|  | 1. Hệ thống hiển thị danh sách category. |
| 1. Người Quản Trị chọn các categories muốn đưa vào menu cha và Đồng ý |  |
|  | 1. Hệ thống lưu xuống CSDL. |
| 1. (Tiếp tục B. 7) Người Quản Trị nhập tên cho menu cha và Đồng ý. |  |
|  | 1. Hệ thống lưu xuống CSDL. |
| 1. Chọn bất kỳ một menu con/ menu cha và chọn nút xóa. |  |
|  | 1. Hệ thống yêu cầu xác nhận. Nếu Người Quản Trị đồng ý thì xóa menu đó nếu là menu cha thì xóa cả menu con trong đó. |
| 1. Chỉnh sửa chỉ dành cho menu cha, sau khi chọn menu cha, Người Quản Trị chọn chỉnh sửa |  |
|  | 1. Hệ thống hiển thị danh sách các categories. |
| 1. Người Quản Trị chọn các categories cần thiết và Đồng ý. |  |
|  | 1. Hệ thống lưu CSDL. |

#### Cấu hình email

Cách thực hiện cho cả 2 loại email tương tự

|  |  |
| --- | --- |
| **Actor: Người Quản Trị** | **Hệ thống** |
| 1. Người Quản Trị chọn cấu hình email tương ứng (email hệ thống / email ngân lượng). |  |
|  | 1. Hệ thống hiển thị mẫu gồm địa chỉ email và mật khẩu email. |
| 1. Người Quản Trị nhập thông tin mới và chọn cập nhật. |  |
|  | 1. Hệ thống cập nhật CSDL. |
|  |  |
|  |  |

#### Dòng sự kiện phụ

|  |  |
| --- | --- |
| **Sự kiện xảy ra** | **Hệ thống giải quyết** |

#### Điều kiện sau

Kết thúc usecase: Người Quản Trị thêm xóa sửa được menu, thay đổi được thông tin email ngân lượng và email hệ thống.

#### Điểm mở rộng: không có.